

R

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

PHÂN VIỆN HÀ NỘI

= & = □ = & =

KỶ YẾU
ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP BỘ

Tên đề tài:

**TÁC ĐỘNG CỦA LUẬT TỤC ĐỐI VỚI VIỆC QUẢN LÝ XÃ HỘI
Ở CÁC DÂN TỘC THÁI, HMÔNG THUỘC TÂY BẮC VIỆT NAM**

Mã số: 97-98-025/ĐT

Chủ nhiệm đề tài: BÙI XUÂN TRƯỜNG

Thư ký đề tài: ĐÌNH THỊ MINH LÝ

HÀ NỘI - 1997

3112

81198

CỘNG TÁC VIÊN

- * PGS-PTS LÊ SĨ GIÁO.
- * Nhà dân tộc học CẨM TRỌNG.
- * Nhà giáo dục học PHAN THANH.
- * Đồng chí ĐỖ ĐỨC HẠP.
- * Thạc sỹ LÔ QUỐC TOẢN.
- * Nhà văn hoá học NGUYỄN THỊNH.
- * PTS NGUYỄN NGỌC THANH.

MỤC LỤC

PGS,PTS. LÊ SỸ GIÁO :

Luật tục, sự hình thành và vai trò của nó trong đời sống của một số cư dân. 3

CẨM TRỌNG :

Luật tục của người Thái ở Tây Bắc Việt Nam. 22

PHAN THANH

Một số luật tục cơ bản của dân tộc Hmôngz (Mông) ở Việt Nam. 41

ĐỖ ĐỨC HẠP

Những nguyên tắc cơ bản của luật hình sự và mối quan hệ với luật tục ở nước ta. 44

LÔ QUỐC TOẢN

Bộ luật dân sự của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và việc thực thi ở các dân tộc thiểu số Thái - H'Mông. 47

NGUYỄN THỊNH

Văn hoá luật tục truyền thống của đồng bào Thái ở Tây Bắc Việt Nam với việc quản lý xã hội. 67

PTS. NGUYỄN NGỌC THANH

Luật hôn nhân gia đình của nước CHXHCN Việt Nam và việc thực thi ở các dân tộc thiểu số Thái, H'Mông. 71

LUẬT TỤC, SỰ HÌNH THÀNH VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ TRONG ĐỜI SỐNG CỦA MỘT SỐ CƯ DÂN

PGS,PTS. Lê Sỹ Giáo

Trường Đại học KHXH & NV

Đại học Quốc gia Hà Nội.

Trong tác phẩm "Nguồn gốc của gia đình của chế độ tư hữu và của nhà nước" khi nhận xét về chế độ thị tộc mẫu hệ của người Indian ở Bắc Mỹ, Ăngghen đã viết: "Tự do, bình đẳng, bác ái tuy chưa bao giờ được nêu thành ý thức, nhưng vẫn là những nguyên tắc cơ bản của thị tộc, còn thị tộc là một đơn vị của cả một chế độ xã hội, là cơ sở của xã hội có tổ chức của người Indian. Điều đó cốt nghĩa vì sao người Indian có tinh thần độc lập, bất khuất, có thái độ tự trọng, là những đức tính mà mọi người đều thừa nhận ở họ"⁽¹⁾.

Thị tộc, cùng với nó là giai đoạn cuối của chế độ công xã thị tộc có thể được coi là thời kỳ xuất hiện của luật tục. Luật tục, cùng với các giá trị tinh thần, văn hoá của thời kỳ tiền sử và của cả các giai đoạn sau đã tạo cho con người có được những phẩm chất mà đến nay vẫn được coi như là chuẩn mực của đạo đức, của nếp sống, đó là "tinh thần độc lập, bất khuất", "thái độ tự trọng" mà bất kỳ dân tộc nào cũng đều rất đề cao. Cùng với thời gian, luật tục tồn tại song hành cùng với luật pháp trong các xã hội có giai cấp và nhà nước như là một yếu tố vừa ẩn vừa hiện, vừa không chính thống vừa chính thống chi phối các hoạt động xã hội của nhiều cư dân. Đối với các tộc người thiểu số ở nước ta, và nói riêng là các trường hợp của người Thái, người H'Mông tình hình này là rất rõ ràng.

1- Ph.Ăngghen: Nguồn gốc của gia đình của chế độ tư hữu và của nhà nước. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1972, trang 143.

I. VẤN ĐỀ NGUỒN GỐC CỦA LUẬT TỤC.

Sau nhiều năm sưu tầm, chỉnh lý và dịch thuật để rồi công bố thành một cuốn sách cực kỳ lý thú, cuốn "Các tập quán của người Êđê ở Đắc Lắc" mà người ta quen gọi là Luật tục Êđê, ngay từ năm 1939 tác giả của nó, L. Sabatier đã viết:

"Bọn người ngoài, người Việt, người Xiêm, người Miên, người Lào nói rằng các người là mọi rợ, vì các người không có luật pháp. Họ chê bai các người và coi khinh các người vì họ không hiểu biết các người".

"Họ nghĩ rằng các người không có luật pháp, nhưng điều đó không đúng, bởi vì các người có, tổ tiên các người xưa kia đã có luật pháp. Tổ tiên các người đã xây dựng luật pháp để bảo vệ xứ sở, đất đai và nhân dân Đắc Lắc. Nhưng các người đã quên mất, và nếu còn một vài người trong số các người biết luật pháp đó thì họ sử dụng để quấy nhiễu nhân dân và đè nén họ.

"Những kẻ vi phạm hoặc xúi giục các người vi phạm luật pháp, những kẻ đó sẽ là có tội, vì làm như vậy, chúng muốn các người trở thành nô lệ, chúng muốn để cho bọn người ngoài vẫn khinh miệt các người. Nhưng kẻ đó sẽ đưa ra truy tố trước các toà án và sẽ bị nghiêm trị"⁽¹⁾.

Gạt sang một bên quan điểm chính trị của L.Sabatier với tư cách là một công sứ người Pháp ở Đắc Lắc hẳn là rất thấm nhuần chính sách "chia để trị" của họ trước đây thì những lời nhắn gửi của Sabatier đến các bộ lạc Êđê như trên đã phần nào hướng tới vấn đề mà chúng ta đang quan tâm, đó là vấn đề nguồn gốc của luật tục (mà Sabatier gọi là "luật pháp"). Thực ra, luật tục xuất hiện không phải là vì sở thích của một cá nhân nào, cũng không phải là những sản phẩm của cá nhân, nó ra đời nhằm đảm bảo sự ổn định xã hội, duy trì sự tồn tại cả về mặt nội giống, cả về mặt văn hoá của cộng đồng. Có thể thấy là các qui định, các nguyên tắc trong mọi mặt

1- Các tập quán của người Êđê ở Đắc Lắc. Tựa của L.Sabatier, người sưu tập. Cơ quan xuất bản EFEO, 1939. Bản dịch của Viện Dân tộc học (bản đánh máy). Hà Nội, 1979.

của đời sống cộng đồng dần dần được chuẩn hoá, được thừa nhận rộng rãi trong dân chúng, rồi đến một lúc nào đó biến thành những "điều luật". Người ta có thể tập hợp các điều luật này lại thành dạng luật lệ bản mường (Hội khòong mường bản) đối với những cư dân có chữ viết như người Thái, hoặc là những điều luật được truyền miệng, được ghi nhớ trong dân gian thông qua những người đại diện về quyền lực hay tôn giáo của cộng đồng đối với các cư dân không có chữ viết như người Hmông hay người Êđê và có thể bao gồm nhiều tộc người khác nữa⁽¹⁾

Nhưng bằng luật tục người ta đã duy trì sự ổn định của cộng đồng cư dân như thế nào ? Qua luật tục Êđê có thể thấy tinh thần đó được thể hiện thông qua các mối liên hệ với bản thân người thủ lĩnh, các vấn đề của hôn nhân, các hình thức phạm tội, các yêu cầu bảo vệ tài sản các cá nhân, các gia đình và cả cộng đồng. Tại sao lại là những vấn đề đó ?

Trước hết, đối với người thủ lĩnh, Người thủ lĩnh trong xã hội thị tộc và các xã hội tiền giai cấp nói chung được coi là người đại diện cho cộng đồng, "nắm tay dân ở, mở tay dân đi". Vào giai đoạn cuối của chế độ công xã thị tộc, khi xã hội đã bắt đầu có sự phân hoá giàu nghèo thì quyền lực của người thủ lĩnh là thứ quyền lực tối thượng. Ở nhiều cư dân các thủ lĩnh nắm trong tay cả "Vương quyền" và "thần quyền" càng làm cho quyền uy của họ trở thành tuyệt đối. Với tư cách đó nếu ai xúc phạm đến thủ lĩnh, nếu ai chống lại thủ lĩnh là xúc phạm đến cộng đồng, chống lại cộng đồng. Do đó, có thể là cả về mặt chủ quan và khách quan cộng đồng phải có các điều luật để bảo vệ uy tín, bảo vệ tính hiệu lực của những phán quyết của ông ta và tất nhiên là phải bảo vệ cả tính mạng cho người thủ lĩnh. Ở đây, trong trường hợp này thủ lĩnh với cộng đồng là một, bảo vệ thủ lĩnh là bảo vệ cộng đồng, thủ lĩnh bình yên là cộng đồng bình yên. Vì vậy mới có hiện tượng ở nhiều cư dân (người Pôlônêdi) người

1- Về luật lệ bản mường của người Thái, xem Đặng Nghiêm Vạn và các tác giả. Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, trang 266, trang 389.

thủ lĩnh được bảo vệ tuyệt đối bằng việc tạo ra quyền bất khả xâm phạm mà người ta gọi là mana.

Hôn nhân là điều kiện đảm bảo cho xã hội tồn tại và phát triển vì hôn nhân quyết định việc "tái sản xuất ra chính bản thân con người" (Ph.Ăngghen). Như vậy, hôn nhân có vai trò rất quan trọng trong việc bảo tồn giống nòi. Nguyên tắc căn bản của hôn nhân trong xã hội thị tộc là ngoại hôn về mặt dòng họ nhưng nội hôn về mặt tộc người. Để cho các nguyên tắc này được tuân thủ một cách nghiêm ngặt, tự trong các mối quan hệ xã hội người ta giới hạn phạm vi cho phép tiến hành hôn nhân theo đường trực hệ và đường bàng hệ như thế nào để không vào các điều hết sức kiêng kị mà xã hội hiện đại gọi là tội "loạn luân". Ngoài ra, phạm trù hôn nhân còn được coi là phạm trù đạo đức, luân lý, không ai có quyền vi phạm. Các điều luật phạt về tội này thường rất đa dạng, chủ yếu dùng dư luận xã hội để đề cao hay phê phán nhân cách và liêm sỉ của con người. Đối với một số cư dân ở Tây Nguyên, những kẻ phạm tội loạn luân phải ăn trong những chiếc máng giành cho lợn - là điều nhục nhã nhất trong các hình thức trừng phạt của cộng đồng.

Các hình thức phạm tội được phân định rất chi tiết và có các qui định cụ thể với từng hình phạt một. Trong nhiều nguyên nhân làm cho xã hội bất ổn thì việc phạm tội là có tác động phương hại lớn nhất. Các hình thức phạm tội theo luật tục Êđê được qui về 5 dạng thức: Tội xúc phạm thủ lĩnh; Về những sai lầm của thủ lĩnh; Tội xúc phạm đến những người khác; Các tội về ngoại tình, hiếp dâm, loạn luân; Các tội lớn (hình sự). Tùy theo mức độ nặng nhẹ mà kẻ phạm tội phải chịu các hình phạt tương xứng nào đó: Nhẹ là sắm lễ vật cúng tạ lỗi thành thân, nặng hơn là bôi thường bằng hiện vật; tội rất nặng có thể bị đuổi khỏi làng hoặc chịu tội chết.

Đối với các qui định về tài sản thì các điều luật chủ yếu tập trung vào việc bảo vệ quyền sở hữu về của cải, gia súc, quyền chiếm hữu về tư liệu sản xuất quan trọng nhất là đất đai cho các cá nhân, các gia đình. Trong sự phân hoá của tầng lớp xã hội, của các bộ phận cư dân trong lịch-

sử, cho đến khi hình thành các giai cấp đối kháng và nhà nước, về cơ bản có ba hình thức thể hiện, cũng là ba giai đoạn kế tiếp nhau: Từ sự phân chia thành người tự do và người nô lệ đến sự phân biệt người giàu, kẻ nghèo và sự đối kháng giữa người thống trị và người bị trị. Theo đó, tài sản của cá nhân và gia đình ngày càng có giá trị lớn trong giai đoạn cuối của xã hội tiền giai cấp. Không chỉ có các của cải vật chất được coi là tài sản mà ngay cả những người nô lệ cũng biến thành tài sản của các chủ sở hữu xác định từ trước khi có sự xác lập của phương thức sản xuất chiếm hữu nô lệ.

Đó là những cơ sở thiết yếu đảm bảo cho sự tồn tại của các thiết chế tộc người truyền thống và sự xác lập các hệ thống luật tục để duy trì sự tồn tại đó.

II. LUẬT TỤC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI TRUYỀN THỐNG CỦA MỘT SỐ TỘC NGƯỜI Ở NƯỚC TA

1. Những vấn đề mang tính phổ quát.

Xã hội truyền thống ở đây hiểu là xã hội tộc người của các cư dân trên lãnh thổ nước ta đến trước cách mạng. Tuy nhiên, việc xác định về mặt thời gian như vậy chỉ là rất tương đối, bởi lẽ, có rất nhiều giá trị truyền thống vẫn hiện diện trong đời sống xã hội hiện đại mà ngay cả các nhà chuyên môn cũng khó mà truy xét được thời gian xuất hiện của nó. Phạm vi các nội dung luật tục mà phần này đề cập chỉ khuôn hẹp trong vài tộc người như Hmông, Thái, Êđê. Luật tục của họ đã không lập tức biến mất sau Cách mạng tháng Tám, hoặc là sau các biến động lịch sử, xã hội lớn lao, nó vẫn tồn tại, chi phối nhiều mặt hoạt động, nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội ngày càng đa dạng. Điều đó giúp cho chúng ta vẫn có thể quan sát được những biểu hiện của luật tục trong đời sống xã hội cổ truyền trên các địa bàn dân cư hiện nay, cho dù các thiết chế xã hội đó đã được thay thế bằng một hình thức xã hội mới thống nhất trên toàn bộ lãnh thổ quốc gia.

1.1. Luật tục với yêu cầu duy trì trật tự xã hội.

Các xã hội tộc người truyền thống ở các vùng thiểu số miền núi nước ta về cơ bản thuộc hai dạng thức có kết cấu như sau:

Bản - mường: Điển hình cho miền núi phía Bắc.

Buôn (làng): Điển hình cho các vùng Trường Sơn - Tây Nguyên.

Thiết chế bản - mường được nhiều nhà chuyên môn cho là gần với chế độ lãnh địa, là một hình thái tiền nhà nước. Nếu so sánh thì qui mô các mường lớn hơn qui mô làng xã nhưng lại nhỏ hơn hệ thống xã - huyện. Thiết chế buôn (làng) thực ra là thiết chế kiểu làng nhưng là làng đóng kín, chưa có các dạng thức liên làng. Trong thiết chế này tính chất thị tộc - bộ lạc biểu hiện rất đậm nét. Ở Trường Sơn - Tây Nguyên trước Cách mạng đầu đó đã có hình thức "tơ rinh" (liên làng) nhưng chỉ mới là manh nha và còn rất hiếm hoi, vì vậy "tơ rinh" không phải là hiện tượng phổ biến, do vậy, làng vẫn là đơn vị tự trị cao nhất. Dù là cấp độ nào, bản - mường hay buôn (làng) thì yêu cầu về sự ổn định xã hội luôn luôn là vấn đề ưu tiên số một. Sự gắn kết các thành viên của cộng đồng có thể là sự kết hợp các mối quan hệ huyết thống với sự thuần nhất về mặt tộc người (như Tây Nguyên), hoặc là sự liên kết tầng lớp thống trị chủ yếu là thuộc về một dòng họ quý tộc với đại bộ phận nhân dân lao động thuộc về các dòng họ bình dân (như trường hợp người Thái, người Mường). Trong số các họ dân khá nhiều trường hợp có cả các cư dân khác tộc mà về mặt số lượng họ luôn luôn là thành phần thiểu số. Dù là ai trong các thiết chế này cũng đều phải tuân thủ các qui ước, qui định truyền từ đời này sang đời khác mà thường là phần lớn các điều khoản chủ yếu là để cho đại bộ phận nhân dân thực hiện.

Trật tự xã hội được duy trì thì xã hội, hiểu theo nghĩa "Sự tác động lẫn nhau giữa người với người" mới đảm bảo được sự ổn định để cộng đồng phát triển bền vững, đặc biệt là chống lại sự can thiệp, đồng hoá từ bên ngoài.

1.2. Luật tục đảm bảo các yêu cầu của hoạt động sản xuất.

Trong lời diếu trước mộ C.Mác ngày 17 tháng 3 năm 1883 tại nghĩa địa Highgate của nước Anh, Ăngghen đã nói: "Giống như Darwin đã tìm ra qui luật phát triển của thế giới hữu cơ, Mác đã tìm ra qui luật phát triển của lịch sử loài người! Cái sự thật giản đơn mà đã bị những lớp tư tưởng phủ kín cho đến ngày nay là: con người trước hết cần phải ăn, uống, ở và mặc đã, rồi mới có thể làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo..."⁽¹⁾. Hoạt động lao động sản xuất của con người nhằm đảm bảo các yêu cầu về ăn, ở, mặc đảm bảo các nhu cầu vật chất cho sự tồn tại và phát triển của chính bản thân con người.

Các điều qui định của luật tục có liên quan đến hoạt động lao động có quan hệ trước hết tới việc khai thác các "Vùng nuôi dưỡng". Các vùng nuôi dưỡng là các khu vực tự nhiên thuộc về một nhóm địa phương nào đó. Các thành viên của mỗi nhóm chỉ được săn bắn, hái lượm, đánh cá trong phạm vi "Vùng nuôi dưỡng" của mình. Nếu "Vùng nuôi dưỡng" bị xâm phạm có thể dẫn đến các cuộc xô xát nhưng rồi sau đó thường được thu xếp bằng thương lượng hoà bình. Quyền khai khẩn đất đai cũng được luật tục thừa nhận, bảo vệ đất đai thuộc quyền công hữu của cộng đồng, chỉ có các thành viên của cộng đồng mới có quyền khai phá. Người ta biến đất rừng thành các cánh đồng trồng lúa, thành các mảnh nương canh tác cây lương thực, cây thực phẩm, thành các mảnh vườn trồng cây ăn quả, cây đặc sản. Ở nhiều cư dân, ví như ở người Thái trước đây khi mảnh đất hoang đã có người đánh dấu "ta leo" (mất cáo - ký hiệu bằng các tấm đan tre nứa) thì kể từ đó mảnh đất đã được coi như là có chủ, đã thuộc về người cắm cây "ta leo". Cả khi người ta tìm được các sản vật quý như quế rừng, ong mật, gỗ lim thì việc đánh dấu quyền "sở hữu" bằng các dấu hiệu kiểu "ta leo" đều được mọi người thừa nhận và tuân thủ tự giác, nghiêm ngặt.

1- C.Mác - Ph. Ăngghen: Tuyển tập, Tập 5. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1983, trang 662.